TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** **TỈNH Q**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2024/HSST
Ngày 14/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông ***Phan Tuấn Anh***.
Các hội thẩm nhân dân:
1, Ông ***Trần Văn Nam***
2, Ông ***Lưu Xuân Giới***

- Thư ký phiên tòa: Bà ***Trần Thị Mai Hương*** - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Q tham gia phiên tòa: *Ông* ***Hoàng Minh Công*** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Q, mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 100/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST - HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **PHẠM VĂN P** (không có tên gọi khác); Sinh ngày 23 tháng 9 năm 1985, tại thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Q; Nơi thường trú: khu Y, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Q; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 09/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Văn L, sinh năm 1961; con bà Đỗ Thị X, sinh năm 1961; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Nhân thân: ngày 17/6/2019 bị Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, trong thời gian 24 tháng.

Bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ ngày 16/9/2024, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa.

** Người chứng kiến:*

- Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1972; nơi thường trú: tổ 9, khu N, phường K, thành phố Đ, tỉnh Q, vắng mặt.
- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973, nơi thường trú: tổ 3, khu N, phường K, thành phố Đ, tỉnh Q, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên khoảng 14 giờ ngày 16/9/2024, Phạm Văn P đi đến khu vực chợ V thuộc phường B, thành phố H tìm mua ma túy. Tại đây, P gặp và mua của một người đàn ông (không rõ lai lịch, địa chỉ) 01 túi nilon ma túy với giá 300.000 đồng. Khoảng 18 giờ cùng ngày, P đi xe khách về đến khu N, phường K, thị xã Đ (nay là thành phố Đ) rồi xuống xe, đi bộ tìm nơi để sử dụng ma túy thì bị Tổ công Tc Công an thành phó Đ phát hiện bắt quả tang, thu giữ của P: tại túi quần phía trước bên phải 01 túi nilon kích thước (1,5x1,5), chứa chất tinh thể màu trắng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A16k, gắn sim số 0964.675.826.

Tại bản kết luận giám định số: 1495/KL-KTHS ngày 23/9/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q, kết luận: Chất tinh thể màu trắng thu giữ của Phạm Văn P là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,132g (không phẩy một ba hai gam).

Quá trình điều tra, Phạm Văn P khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số: 2331/CT-VKSĐT, ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Q truy tố bị cáo Phạm Văn P về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Phạm Văn P phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt: bị cáo Phạm Văn P từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười Tm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/9/2024.

Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

- 01 (một) phong bì niêm phong số: 1495/KL-KTHS ngày 23/892022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q, chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định là chất Nhà nước cấm lưu hành, nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A16k, gắn sim số 0964.675.826 không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn P phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, bị cáo Phạm Văn P không tranh luận gì với nội dung bản luận tội và thừa nhận việc truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không bị oan sai.

Trong phần nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo Phạm Văn P tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, với lời khai của những người chứng kiến anh Trương Văn Đ, anh Nguyễn Văn T và Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 18 giờ 15 phút ngày 16/9/2024, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ lập hồi 19 giờ 00 phút ngày 16/9/2024 tại khu N, phường K, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Q, Kết luận giám định số: 1495/KL-KTHS ngày 23/9/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 16/9/2024, tại khu N, phường K, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Q, Phạm Văn P có hành vi tàng trữ trái phép 0,132g (không phẩy một ba hai gam) ma túy loại Methamphetamine, nhằm mục đích sử dụng, thì bị phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

[3] Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận hành vi của Phạm Văn P đã phạm vào tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Q đã quy kết đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến 05 gam...."

Bị cáo Phạm Văn P là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tàng trữ ma túy là trái pháp luật. Nhưng vì thỏa mãn cơn nghiện của bản thân nên bị cáo đã bất chấp pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, hành vi của bị cáo cũng là nguồn gốc phát sinh các tệ nạn xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa P, tiếp tay cho các đối tượng mua bán trái phép chất ma túy và là nguyên nhân gia tăng các loại tội phạm khác. Bản thân bị cáo đã từng bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bứt buộc. Do đó, cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, cũng cần phải xem xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cần thiết cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng:

- 01 (một) phong bì niêm phong số: 1495/KL-KTHS ngày 23/9/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q, chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định là chất Nhà nước cấm lưu hành, nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A16k, màu xanh, đã qua sử dụng, gắn sim số 0946.675.826, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo;

[7] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho P, quá trình điều tra không xác định được lai lịch địa chỉ nên không có căn cứ xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn P phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn P phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn P: 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/9/2024.

3. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong số: 1495/KL-KTHS ngày 23/9/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q, chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn P: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A16k, màu xanh, đã qua sử dụng, gắn sim số 0946.675.826

(Tình trạng các vật chứng trên thể hiện trong Biên bản giao nhận vật chứng số 16, ngày 22/10/2024 giữa Công an thị xã Đ, tỉnh Q và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Q).

4. Về án phí:

Buộc bị cáo Phạm Văn P phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- TAND, VKSND tỉnh Q;
- Sở Tư pháp tỉnh Q;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Đ;
- VKSND thành phố Đ;
- Cơ quan THAHS CA TP. Đ;
- Cơ quan CSĐT CA TP. Đ;
- Bị cáo;
- Chi cục THADS TP. Đ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Tuấn Anh